

ÁP DỤNG THUYẾT ĐA TRÍ TUỆ VÀO CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC NHẪM PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGỮ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

Châu Văn Đôn*

Tóm tắt

Tính nhân văn của Thuyết Đa Trí tuệ thể hiện ở quan điểm “Tất cả mọi học sinh đều thông minh, mỗi cá nhân học sinh có một kiểu thông minh khác nhau” Do đó, nếu vận dụng linh hoạt nhiều hoạt động dạy học phù hợp với nhiều kiểu trí tuệ của sinh viên, các em sẽ có nhiều cơ hội thể hiện và phát huy nhiều kiểu năng lực học tập cá nhân, từ đó giáo viên sẽ đánh giá, nhìn nhận đúng hơn về năng lực học tập của sinh viên. Bài viết này giới thiệu tóm lược nội dung thuyết Đa Trí tuệ, một số kết quả áp dụng Thuyết Đa Trí tuệ vào giảng dạy môn Nói cho sinh viên chuyên ngành tiếng Anh tại trường Đại học Phú Yên, và đề xuất một số hoạt động dạy học phù hợp với mỗi loại trí tuệ.

Từ khóa: đa trí tuệ, sinh viên, tiếng Anh, trường Đại học Phú Yên

1. Đặt vấn đề

Thuật ngữ “intelligence” (trí thông minh, trí tuệ, năng khiếu, khả năng hiểu biết, năng lực tư duy) được định nghĩa rất nhiều cách tùy theo góc độ, quan điểm và mục đích sử dụng của các nhà khoa học... Theo định nghĩa của từ điển bách khoa Encarta Encyclopedia [9], “*Trí tuệ là lượng kiến thức, thông tin một cá nhân có được nhờ vào kinh nghiệm bản thân, quá trình học tập, nghiên cứu hoặc khả năng trí tuệ bẩm sinh*”.

Theo Gardner (1983) [5], Khái niệm trí tuệ được định nghĩa là *một năng lực tâm sinh lý (bio-psychological potential) để giúp con người trong các hoạt động xử lý thông tin, năng lực này có thể được kích hoạt trong một ngữ cảnh văn hóa (cultural setting) cụ thể để giải quyết các vấn đề hoặc tạo ra các sản phẩm có giá trị trong nền văn hóa ấy*.

Hiện nay, với nhiều tiến bộ của khoa học kỹ thuật, ngày càng có nhiều phương pháp xác định và đo lường trí tuệ con người (Trong bài viết này chúng tôi sử dụng thuật ngữ “trí tuệ” để dịch chữ “intelligence”). Jensen, E (2008) [7] khẳng định rằng lâu nay, phương pháp chính thức để đo lường trí tuệ thường là các trắc nghiệm về chỉ số thông minh (IQ), hay những hình thức kiểm tra trắc nghiệm của các nhà tâm lý Stanford-Binet, hoặc Weschler. Qua các bài kiểm tra này, trí tuệ của con người được đánh giá và xếp loại ở nhiều mức độ khác nhau. Tuy nhiên các nhà nghiên cứu và giáo dục từ lâu đã bày tỏ quan điểm rằng các hình thức đo lường trí tuệ này đã bỏ sót một số điểm quan trọng.

* ThS, Trường Đại học Phú Yên

Thực tế có thể chứng minh một sinh viên có thể không giỏi các kỹ năng suy luận lô-gic, kỹ năng tiếp nhận hay diễn đạt ngôn ngữ, nhưng lại sở hữu năng khiếu vận động cơ thể hoặc sở hữu các loại trí tuệ hướng nội, hướng ngoại, thị giác không gian... Trong các tiết học ngôn ngữ tại lớp, năng lực học tập của em có thể được xếp loại ở mức trung bình, nhưng trong những môn học thể dục, mỹ thuật, hay trong các hoạt động dã ngoại ... rõ ràng em luôn tỏ ra là người có năng khiếu và thường được đánh giá cao. Những sinh viên này, khi tham gia các kỳ thi trắc nghiệm chỉ số thông minh, kết quả điểm thường rất thấp;

Do vậy, trong quá trình khảo sát thực tế việc đánh giá năng lực học tập của sinh viên để xây dựng nền móng cơ sở lý luận thực tiễn áp dụng Thuyết Đa Trí tuệ trong các hoạt động dạy học tiếng Anh với nhiều đối tượng khác nhau ở một số cơ sở giáo dục như sinh viên các lớp ngoại ngữ không chuyên của trường Đại học Phú Yên [3], các đối tượng học sinh phổ thông ở các cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông tại Cơ sở tiếng Anh Thế Giới Mới [5], hay một số sinh viên đại học và sau đại học tại Khoa Giáo dục, trường Đại học Bang New York tại thành phố Albany, Hoa Kỳ [4], chúng tôi thường nêu các vấn đề như: “Có phải một học sinh không thể giải một bài toán do thầy / cô đưa ra là một học sinh kém thông minh? Có phải phương pháp sử dụng chỉ số IQ để đo lường trí thông minh của một học sinh là phương pháp tối ưu hay không? Ngày nay nhiều nhà trường đang đào tạo, đánh giá tất cả học sinh theo một mô hình đồng nhất, liệu đây có phải là phương pháp ưu việt nhất hay không? Phải chăng từ 30 đến 40 học sinh trong một lớp học phổ thông là những cá thể có thiên hướng phát triển trí tuệ giống nhau?

Phần lớn các câu trả lời chúng tôi thu thập được đều ủng hộ việc áp dụng Thuyết Đa Trí tuệ để phát huy vai trò tích cực của người học, cũng như giúp giáo viên nhìn nhận, đánh giá đúng hơn về năng lực học tập của học sinh.

Thật vậy, với quan điểm dạy học lấy người học làm trung tâm, khi người học được xem là chủ thể của các hoạt động dạy học, cánh cửa đa trí tuệ của mỗi cá nhân học sinh đã được hé mở, tạo điều kiện thuận lợi cho các em phát huy các kiểu trí tuệ và phong cách học tập (learning style) sở trường của mình.

2. Nội dung thuyết đa trí tuệ

Theo thuyết Đa Trí Tuệ “mỗi người sinh ra đều có đầy đủ các loại năng khiếu và trí tuệ. Mặc dù ở mỗi cá nhân, một số kiểu trí tuệ nào đó có những đặc tính nổi trội hơn và đồng thời một số kiểu trí tuệ khác lại phát triển yếu hơn. Những khác biệt này không đồng nghĩa với quan điểm cá nhân này thông minh hơn hoặc không thông minh hơn cá nhân khác, mà chỉ đơn thuần cho thấy mỗi cá nhân đều có phương pháp học tập, tư duy, xử lý và đạt được những kết quả ở nhiều mức độ khác nhau” Gardner, H. (2004) [6]

Cũng theo Gardner, (1983) [5], trí tuệ là một dạng năng lực tâm sinh lý tất cả mọi người đều có để thực hiện các thao tác, quá trình tư duy mà mọi người đều có

khả năng thực hiện được. Chẳng hạn, khi chúng ta nói đến một người có trí tuệ ngôn ngữ hoặc giao tiếp hướng ngoại, thì đây là một cách nói ngắn gọn để giải thích rằng bản thân người đó đã phát triển được năng lực xử lý các thông tin đặc biệt thuộc môi trường của mình – ví dụ nắm bắt hoặc trao đổi các tín hiệu ngôn ngữ; các thông điệp xã hội, cảm xúc có được từ quá trình giao tiếp, tương tác với những cá thể khác.

Thuyết Đa Trí tuệ có thể nói là một cuộc cách mạng giáo dục xét về khía cạnh tìm hiểu, khai thác và đánh giá năng lực trí tuệ con người nói chung và của học sinh nói riêng trên toàn thế giới. Ngày nay có thể dựa vào một số bài kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm phong phú về 8 dạng năng lực trí tuệ của sinh viên, bạn có thể dễ dàng phát hiện được kiểu trí tuệ hoặc ưu thế thông minh của mình, bạn có thể tự hào khi sở hữu các loại trí tuệ như âm nhạc, vận động cơ thể hay hướng ngoại, hướng nội ... Những loại trí tuệ này sẽ hình thành ở bản thân các em những niềm tin và tinh thần lạc quan mạnh mẽ rằng nếu các em chọn đúng hướng đi cho nghề nghiệp tương lai của mình, khả năng thành công chắc chắn sẽ rất lớn.

Theo nghiên cứu của Reid, J.M. (1995) [10], kiểu trí tuệ nổi trội của một cá nhân có ảnh hưởng rất lớn đến kiểu học tập (learning style) của cá nhân đó. Chẳng hạn một sinh viên có trí tuệ ngôn ngữ phát triển mạnh thích học tập bằng phương tiện sử dụng ngôn ngữ, trong khi một học sinh có trí tuệ vận động cơ thể phát triển mạnh lại yêu thích phát triển và trình bày năng lực của mình thông qua các hình thức vận động cơ thể như các bài tập thể dục nhịp điệu, các điệu múa hay những hoạt động đóng vai, diễn kịch, làm phim...

Do đó, nhiệm vụ của giáo viên là phải nhận biết và phát huy tối đa các kiểu học tập khác nhau của từng sinh viên, đồng thời giúp các em phát triển những kiểu học tập và những dạng thông minh còn yếu. Chapman, C. & Freeman, L. (1998) [1] nhận định: *Các thầy cô càng có nhiều kỹ năng, kỹ xảo trong việc khai thác nhiều loại trí tuệ của sinh viên trong các hoạt động dạy học, ngày càng có nhiều sinh viên tham gia tích cực vào các hoạt động dạy học và các tiết dạy của thầy cô ngày càng sinh động và thu hút hơn.*

Gardner, H. (2004) [6] cũng lập luận rằng chúng ta rất dễ dàng nhận ra nhiều cách học tập đặc trưng khác nhau ở từng cá nhân sinh viên. Nhiều dạng trí tuệ của các em có thể được phát hiện và được bồi dưỡng ở mức tối đa nếu chúng ta đa dạng hoá các hoạt động dạy học và sử dụng nhiều phương tiện để đánh giá kết quả học tập của các em.

Dưới đây là phần tóm lược 8 kiểu thông minh của học sinh theo quan điểm của Thuyết Đa Trí tuệ, kèm theo mỗi kiểu thông minh là những hoạt động dạy học phù hợp để giúp học sinh phát triển kiểu trí tuệ đó.

a. Trí tuệ ngôn ngữ (verbal-linguistic): là trí thông minh ngôn ngữ là khả năng tư duy bằng ngôn ngữ và dùng phương tiện ngôn ngữ để diễn tả những khái niệm từ đơn giản đến phức tạp. Khả năng trí tuệ này cho phép học sinh hiểu được trật tự, ý

nghĩa của từ, học ngữ pháp rất nhanh và áp dụng thành thạo các kỹ năng ngôn ngữ. Đây là kiểu trí tuệ phổ biến nhất, có ở rất nhiều người, và thể hiện rõ nét ở các nhà văn, nhà thơ, phóng viên, biên tập viên hay các diễn giả. Để phát triển trí thông minh loại này, bạn nên viết nhiều, đọc nhiều, kể chuyện hoặc chơi ô chữ.

Các hoạt động dạy học phù hợp: Viết nhật ký học tập, sáng tác những bài viết mô tả các sự kiện lịch sử, viết lại các thông tin khó bằng ngôn ngữ đơn giản hơn, phỏng vấn một người nổi tiếng, mời đến một “Khách mời trường quay” và đặt ra các câu hỏi phù hợp, đọc thơ hoặc sáng tác thơ, truyện, ý tưởng ..., thiết kế các bản tin.

b. Trí tuệ lô-gic – toán học (logical-mathematical): là khả năng tính toán, xác định các số lượng, cân nhắc các giả thuyết và thực hiện những hoạt động toán học. Dạng trí tuệ này cho phép học sinh hiểu những khái niệm trừu tượng, có kỹ năng tranh luận, suy nghĩ theo lối quy nạp và suy diễn. Trí tuệ lô-gic toán học phù hợp với nghề nghiệp luật sư, lập trình viên. Sinh viên có thể phát triển trí tuệ này bằng cách học số học, chơi những trò chơi chiến thuật và thực hiện các thí nghiệm khoa học.

Các hoạt động dạy học phù hợp: Tạo những trò chơi suy luận lô-gic, giải đáp các ô chữ và các bài toán đố, kiến tạo các bảng biểu thời gian và điền vào những thông tin cần thiết, tìm ra nơi chốn theo chỉ dẫn của bản đồ, biểu đồ hoá các quy trình, các hoạt động trình bày thông tin từ các bảng biểu, phân loại, sắp xếp các thông tin, sự kiện, các trò chơi liên quan đến các phép tính.

c. Trí tuệ thị giác không gian (visual-spatial): là khả năng suy nghĩ ba chiều, bao gồm trí tưởng tượng, suy luận trong không gian, vận dụng hình ảnh, các kỹ năng đồ họa và nghệ thuật. Loại hình trí tuệ này giúp bạn nhạy cảm về chất liệu, màu sắc, hình khối,... bạn có thể trở thành nghệ sĩ, nhà thiết kế, nhiếp ảnh gia, nhà điêu khắc, kiến trúc sư....

Các hoạt động dạy học phù hợp: Vẽ tranh, áp phích, biểu đồ về các nội dung đã học, tạo các mô hình không gian ba chiều, tạo các khung cảnh, hình dáng, đường nét có màu sắc sinh động để minh họa cảnh quan thiên nhiên hay khung cảnh lịch sử, chụp ảnh hoặc sử dụng máy ghi hình để soạn thảo các báo cáo, kiến tạo các loại trang phục để diễn kịch các sự kiện lịch sử, nghệ thuật, dùng các hệ thống bảng mã màu sắc để phân loại thông tin.

d. Trí tuệ âm nhạc (musical-rhythmic): khả năng cảm nhận độ cao thấp, nhịp điệu, âm sắc, cho phép bạn nhận biết, tạo ra, mô phỏng... âm nhạc. Nếu bạn có trí tuệ âm nhạc hoạt động mạnh thì không nhất thiết phải chơi hay những bài hát hay một đoạn nhạc, nhưng chắc chắn bạn là người nghe nhạc nhạy cảm, có thể nhận biết những ý nghĩa sâu sắc dù chỉ nghe giai điệu. Để tăng cường trí tuệ âm nhạc, bạn chỉ cần nghe nhạc nhiều, nhịp chân theo, hát theo, học chơi các nhạc cụ...

Các hoạt động dạy học phù hợp: Biểu diễn các loại nhạc cụ, sáng tạo những bài hát, đoạn nhạc chứa đựng các chủ đề từ vựng, ngữ pháp, nghiên cứu, so sánh, đối chiếu những bài hát, khúc nhạc của nhiều nền văn hoá khác nhau, nhận biết các mẫu

tiết tấu, giai điệu, sáng tác những đoạn nhạc, bài hát ngắn để ghi nhớ nội dung bài học, biểu diễn những khúc nhạc rập chứa đựng các nội dung bài học.

e. Trí tuệ vận động cơ thể (bodily-kinesthetic): là khả năng vận động và sử dụng nhiều kỹ năng đa dạng của cơ thể. Kiểu trí tuệ này cũng bao gồm các cảm giác về tính toán thời gian, cùng với sự kết hợp của cơ thể và tâm trí, giúp bạn điều khiển các thao tác hoạt động của mình. Kiểu thông minh này tồn tại và phát triển rất mạnh ở những người hoạt động thể thao, khiêu vũ hoặc làm diễn viên. Nó còn giúp bạn hợp với ngành y (nhất là bác sĩ phẫu thuật) hoặc làm nghề thủ công.

Các hoạt động dạy học phù hợp: Đóng vai, diễn kịch, các động tác múa hoặc dùng cử chỉ, điệu bộ để kể chuyện hoặc minh họa cho các chi tiết của một câu chuyện, tổ chức các giờ học ngoài trời, dùng các động tác cơ thể để diễn tả các từ vựng hoặc các chuỗi sự kiện, chơi các trò chơi đố chữ, đố câu bằng cách dùng cử chỉ điệu bộ, diễn kịch câm.

f. Trí tuệ hướng ngoại (interpersonal) là khả năng hiểu và tương tác hiệu quả với người khác, bao gồm việc giao tiếp bằng cách sử dụng lời nói (verbal), hoặc không sử dụng lời nói (non-verbal), khả năng nhận biết sự độc đáo của mỗi người, nhạy cảm với tâm trạng của người khác... giúp bạn an ủi, thông cảm, tạo cảm hứng và lãnh đạo (những) người khác, do vậy, kiểu trí tuệ này được coi là một nét tính cách đặc trưng của những chính khách, phù hợp với nghề giáo viên, nhà trị liệu, nhân viên kinh doanh, diễn viên, nhà xã hội học... Để rèn luyện kiểu trí tuệ này, bạn nên xem nhiều phim ảnh, giao tiếp rộng, cố gắng tìm những điểm đặc biệt ở mỗi người.

Các hoạt động dạy học phù hợp: Hoạt động giao tiếp, đối chiếu thông tin (jigsaw), hoạt động nhóm-cặp, học tập với các phần mềm tương tác của máy tính, chia sẻ các hoạt động học tập tập thể (co-operative learning), phỏng vấn thật hoặc tưởng tượng với các nhân vật nổi tiếng (các nhân vật có thật, trong lịch sử hoặc văn chương), tạo các hoạt động giúp đỡ nhau trong học tập dưới hình thức nhóm, cặp....

g. Trí tuệ hướng nội: (intrapersonal) là năng khiếu lắng nghe chính mình, là khả năng hiểu được bản thân một cách sâu sắc, cũng như những suy nghĩ và cảm xúc của chính mình, và sử dụng những hiểu biết đó để lập kế hoạch và định hướng cuộc sống. Kiểu trí tuệ này giúp bạn phân tích và làm chủ được những phẩm chất, hành vi của mình. Nếu trí tuệ nội tâm của bạn hoạt động mạnh, bạn phù hợp để trở thành nhà tâm lý, triết gia hoặc nhà văn.

Các hoạt động dạy học phù hợp: Tiếp xúc với giáo viên bên ngoài lớp học, thiết kế các bài tập tự học, nghiên cứu độc lập, điều tra, giải quyết các vấn đề phức tạp, nghiên cứu các đề tài theo sở thích cá nhân, nhập vai một người nào đó và viết tiểu sử tự thuật của nhân vật đó, lập thư mục sách cho người khác sử dụng, thực hiện các bài tập tự đánh giá.

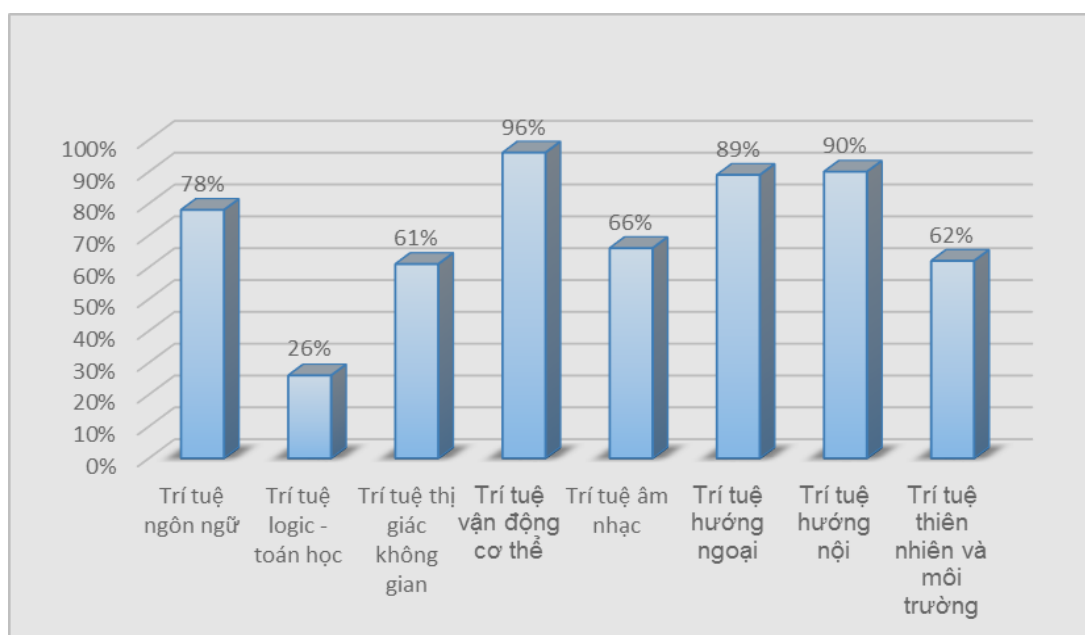
h. Trí tuệ thiên nhiên và môi trường (naturalist): Một học sinh có kiểu trí tuệ thiên nhiên và môi trường phát triển mạnh thường có khả năng nhận biết và phân

biệt các đồ vật tìm thấy trong thế giới tự nhiên, thích quan sát và nhìn ngắm cảnh quan môi trường, có khả năng nhìn nhận và hiểu rõ những khác biệt giữa các sinh vật sống, thích tìm hiểu các quy luật tự nhiên, thích các chuyến đi dã ngoại và các hoạt động ngoài trời, thích chăm sóc cây cối, sinh vật, cảnh quan môi trường học tập của mình, tổ chức và phân loại các bộ sưu tập như đá, vỏ sò, lá cây, côn trùng....

Các hoạt động dạy học phù hợp: Dã ngoại hoặc đi dạo trong khung cảnh thiên nhiên, dự đoán thời tiết, quan sát bầu trời, các đám mây, các vì sao và khoảng không vũ trụ, liệt kê thuộc tính của các đồ vật, ghi lại những thay đổi và phát triển của môi trường tự nhiên, chụp hình cảnh quan thiên nhiên, nghĩ ra những cách phân loại, chăm sóc các loài động thực vật, tái tạo khung cảnh tự nhiên của một thời kỳ lịch sử.

3. Thực tế áp dụng thuyết đa trí tuệ vào các hoạt động dạy học môn nói cho sinh viên chuyên ngữ tại trường Đại học Phú Yên

Trên cơ sở tìm hiểu, khảo sát 74 sinh viên năm thứ nhất của hai lớp thuộc hệ đào tạo đại học, chuyên ngành tiếng Anh, Học kỳ I, năm học 2013 – 2014 của Khoa Ngoại ngữ, trường Đại học Phú Yên. Trong đó, lớp Đại học chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh (30 sinh viên) và lớp đại học chuyên ngành Ngôn ngữ Anh (44 sinh viên). Hồ sơ trí tuệ của các sinh viên, dựa theo Bảng Đánh giá Đa Trí tuệ của Laura Candler (2006), cho thấy ở các em có đầy đủ tất cả các loại trí tuệ, thể hiện như sau:



Từ biểu thống kê hồ sơ trí tuệ nêu trên, chúng ta có thể nhận thấy 4 kiểu trí tuệ nổi trội nhất của sinh viên thuộc 2 lớp trên là trí tuệ vận động cơ thể (96%), trí tuệ hướng nội (90%); Trí tuệ hướng ngoại (89%) và trí tuệ ngôn ngữ (78%).

Trên cơ sở đó, chúng tôi thiết kế và áp dụng một số hoạt động dạy học để phát triển kỹ năng nói tiếng Anh, trong đó ưu tiên phát triển 4 kiểu trí tuệ được đa số

sinh viên theo sở trường lựa chọn như trên, đồng thời cũng không quên quan tâm, lưu ý đến 4 kiểu trí tuệ tuy không chiếm ưu thế, nhưng vẫn có một số sinh viên khác lựa chọn là sở trường của các em.

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi xin giới thiệu 2 hoạt động thường áp dụng trong các tiết học rèn luyện phát kỹ năng nói tiếng Anh ở 2 lớp học trên:

Hoạt động minh họa 1: *Giao tiếp tương tác theo mô hình vòng tròn (Circle Chat)*

Giao tiếp tương tác theo mô hình vòng tròn là một hoạt động giao tiếp tương tác trực tiếp giữa sinh viên và sinh viên (student-to-student interaction). Hoạt động này luôn thu hút nhiều sinh viên trong lớp tham gia, tạo không khí học tập sôi nổi, vui vẻ và hiệu quả giao tiếp tăng cao. Với hình thức tổ chức hoạt động học tập này, mỗi sinh viên có thể giao tiếp được với nhiều đối tác thực hành ngôn ngữ, cho phép tăng cường cơ hội giao tiếp và khả năng tư duy, diễn đạt ngôn ngữ của mình. Hoạt động này bước đầu có thể gặp phải ít nhiều lúng túng, bỡ ngỡ, nhưng khi sinh viên đã trở nên quen thuộc, hoạt động này sẽ diễn ra ngày càng thuận lợi và hiệu quả hơn. Khi áp dụng hoạt động này, giáo viên nên vận dụng những nguyên tắc, kỹ năng quản lý lớp tốt, bởi vì có khả năng lớp học sẽ hơi “ồn ào” và “mất trật tự” hơn so với bình thường. Hoạt động này được tiến hành như sau:

- Tạo một khoảng trống giữa lớp đủ lớn để tất cả mọi sinh viên trong lớp học đứng cùng nhau thành 2 vòng tròn đồng tâm. (*Trí tuệ vận động, trí tuệ thị giác không gian*)

- Lấy tổng số sinh viên trong lớp và chia đôi số lượng. Trước hết, mời lên trước lớp nửa số sinh viên của lớp (Ví dụ đối với lớp đại học Sư phạm tiếng Anh năm thứ nhất của Khoa Ngoại ngữ, trường ĐHPY là 15 sinh viên/nhóm).

- Yêu cầu 15 sinh viên này đứng thành một vòng tròn.

- Gọi tiếp 15 sinh viên còn lại lên trước lớp và đứng thành một vòng tròn bao quanh vòng tròn gồm 15 sinh viên đầu tiên).

- Yêu cầu 15 sinh viên trong vòng tròn thứ nhất quay mặt lại đối diện với 15 sinh viên ở vòng tròn thứ 2. Như vậy mọi sinh viên trong cả 2 vòng tròn đều có đối tác giao tiếp của mình. (Nếu sĩ số lớp lẻ 1 sinh viên, giáo viên có thể tham gia giao tiếp với sinh viên đó hoặc ghép với 1 cặp nào đó để tạo thành 1 nhóm 3 sinh viên). (*Trí tuệ ngôn ngữ, trí tuệ hướng ngoại, trí tuệ hướng nội*)

- Các sinh viên sẽ được cho thời gian từ 3 đến 5 phút để giao tiếp với nhau theo cặp và trả lời câu hỏi được hỏi theo chủ đề của bài học. Giáo viên sẽ ra dấu hiệu tạm dừng hoạt động giao tiếp tương tác khi hết thời gian quy định.

- Sau khi có dấu hiệu kết thúc, giáo viên yêu cầu các sinh viên ở vòng tròn bên ngoài di chuyển 1 bước qua bên trái (lưu ý: đảm bảo chỉ có các sinh viên ở vòng tròn bên ngoài mới được phép di chuyển). Lúc này, mỗi sinh viên sẽ có một đối tác mới để giao tiếp.

- Tiếp tục quy trình này, cứ mỗi lần giáo viên đưa ra một câu hỏi mới với 1 bước di chuyển qua trái của tròn bên ngoài, là một lần các cặp mới sẽ được hình thành, cho đến khi mỗi sinh viên ở vòng tròn đầu tiên đã thực hiện giao tiếp hết lượt với các sinh viên ở vòng tròn thứ 2.

Như vậy, ngoài các kiểu trí tuệ chính được nêu trong các dấu ngoặc đơn bên trên, tùy theo nội dung câu hỏi hoặc chủ điểm thực hành giao tiếp ngôn ngữ, giáo viên có thể khuyến khích, khai thác nhiều kiểu trí tuệ khác nhau của sinh viên như trí tuệ âm nhạc, trí tuệ thiên nhiên và môi trường, trí tuệ lô-gic, trí tuệ hướng nội ...

Hoạt động minh họa 2: *Bạn ơi! Làm ơn cho tôi mượn... (Neighbors! May I borrow...?)*

Sinh viên thực hành kỹ năng thực hiện các yêu cầu lịch sự (Making polite requests). Giáo viên đưa ra một số gợi ý bằng tranh ảnh hoặc từ vựng liên quan đến các nguyên liệu nấu ăn như bột mì, trứng, đường, sữa, ... mà các sinh viên hoặc không có hoặc có rất ít (cần phải mượn thêm) hoặc có quá nhiều (nên san sẻ cho những người khác có nhu cầu). Sinh viên được yêu cầu giải thích bằng tiếng Anh mình đang nấu món gì và cần xin hoặc mượn nguyên liệu gì từ những người khác: (4 kiểu trí tuệ; ngôn ngữ, vận động cơ thể, hướng ngoại và hướng nội).

Song song với việc ưu tiên các hoạt động phát triển kỹ năng nói với 4 kiểu trí tuệ vận động cơ thể, hướng nội, hướng ngoại và trí tuệ ngôn ngữ nêu trên, chúng ta vẫn không quên phát triển 4 kiểu trí tuệ còn lại (lô-gic toán học, âm nhạc, thị giác không gian và trí tuệ thiên nhiên – môi trường), tuy không chiếm tỉ trọng cao, nhưng vẫn có nhiều sinh viên có xu hướng phát triển mạnh các kiểu trí tuệ này, thể hiện sự tôn trọng và khuyến khích thiên hướng các năng khiếu bẩm sinh, tự nhiên của nhiều loại đối tượng sinh viên khác nhau.

Với các hoạt động phát triển đa trí tuệ như trên, sinh viên được khuyến khích sử dụng nhiều kiểu trí tuệ sở trường khác nhau của mình để rèn luyện kỹ năng nói tiếng Anh thông qua các chủ điểm, nội dung giảng dạy đã được công bố trong Đề cương chi tiết của môn học: giới thiệu về gia đình (talking about your family), các hoạt động trong thời gian rảnh (free time activities), các môn thể thao yêu thích (favorite sports), nơi cư trú của bạn (your neighborhood), bảo vệ môi trường (environmental protection), các môn học ở nhà trường (school subjects), các món ăn ngon (delicious foods) ...

Ví dụ đối với chủ điểm bảo vệ môi trường (environmental protection), phần thực hành phát triển kỹ năng nói tự do (free practice), mỗi sinh viên có thể lựa chọn bất kỳ hình thức trình bày nào có nội dung bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực năng khiếu của mình, và trên cơ sở hiểu biết, kết hợp năng khiếu và kiểu trí tuệ sở trường của của bản thân, đưa ra các quan điểm, luận chứng, kết hợp sử dụng kỹ năng ngôn ngữ để trao đổi, thảo luận, và trình bày ý kiến của mình với các sinh viên khác trong lớp.

Sau đây là một số ví dụ về những phương cách tiếp cận, xử lý vấn đề mà sinh viên các lớp Đại học Sư phạm tiếng Anh và Đại học Ngôn ngữ Anh năm thứ nhất của trường Đại học Phú Yên lựa chọn để tiếp cận và khai thác chủ điểm bảo vệ môi trường:

- Giới thiệu một số hình ảnh, video clips minh họa một số vấn đề gây ô nhiễm môi trường, chẳng hạn khói thải nhà máy, tình trạng ô nhiễm rác bần, những cảnh phá rừng..., từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục (*Trí tuệ thị giác không gian*)

- Xem video clip bài hát Heal the World do ca sĩ Michael Jackson trình bày, nghiên cứu nội dung bài hát và cùng nhau thảo luận, đưa ra các giải pháp đề nghị để “*hàn gắn thế giới*”, phát triển thế giới, quốc gia và địa phương chúng ta trở thành “*một nơi tốt đẹp hơn cho bạn, cho tôi và cho cả nhân loại...*” (*Trí tuệ âm nhạc*)

- Từ một biểu đồ thống kê về mật độ phủ xanh các vùng đất trống, đồi trọc ở một số tỉnh Nam Trung bộ và Tây Nguyên, trình bày và thảo luận về thực trạng và các giải pháp trồng cây gây rừng, bảo vệ môi trường (*Trí tuệ lô-gic toán học*)

- Tổ chức diễn đàn gây quỹ ủng hộ bảo vệ môi trường, thuyết phục cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường (*Trí tuệ hướng ngoại*)

- Trình bày một số cảm nhận cá nhân về các vấn đề bức xúc về môi trường xung quanh chúng ta (*Trí tuệ hướng nội*)

- Giới thiệu một số danh lam thắng cảnh, các loài động thực vật quý hiếm trong nước, ... từ đó, nêu lên sự cần thiết phải bảo tồn các danh thắng, các loài động thực vật trên (*Trí tuệ thiên nhiên và môi trường*)

- Minh họa các động tác trồng cây, chăm sóc cảnh quang môi trường, không vứt rác bừa bãi, không tiết kiệm nhiên liệu ... (*Trí tuệ vận động cơ thể*).

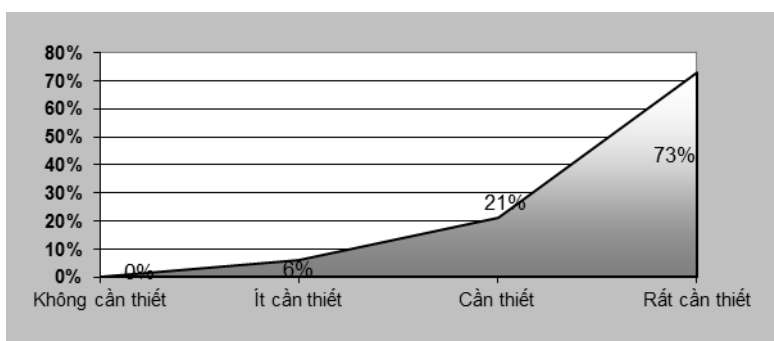
Bên cạnh các kiểu trí tuệ nổi trội được chú thích như trên, các kiểu trí tuệ khác cũng được lồng ghép, sử dụng, khai thác và phát triển ở nhiều mức độ nhất định để hỗ trợ phát triển kỹ năng giao tiếp của sinh viên. Ví dụ, trong hoạt động áp dụng trí tuệ lô-gic toán học từ biểu đồ mật độ bao phủ rừng, rõ ràng trí tuệ ngôn ngữ phải đóng vai trò quan trọng, giúp sinh viên sử dụng kỹ năng ngôn ngữ để trình bày nội dung của biểu đồ và các thông điệp tác giả muốn bày tỏ đến người nghe, việc sử dụng biểu đồ cũng đồng nghĩa với việc tăng cường các kỹ năng vận dụng trí tuệ thị giác không gian, biểu đồ trong trường hợp này có thể được xem là tranh, ảnh minh họa cho nội dung trình bày. Ngoài ra, để phát huy được nội dung trình bày, giao tiếp với người nghe, các kiểu trí tuệ khác như hướng nội, hướng ngoại cũng được vận dụng để tăng cường hiệu quả của nội dung thông điệp trình bày.

Như vậy, có thể kết luận rằng việc áp dụng Thuyết Đa Trí tuệ vào các hoạt động dạy học môn nói tiếng Anh bước đầu đã chứng minh tính hiệu quả, góp phần phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh ở các đối tượng nghiên cứu của bài viết này.

Theo kết quả thăm dò, thực hiện sau khi áp dụng các hoạt động đa trí tuệ để phát triển kỹ năng nói tiếng Anh ở các lớp học trong phạm vi nghiên cứu, hầu hết

sinh viên (94%) đều cho rằng cần thiết sử dụng các hoạt động dạy học đa trí tuệ trong các tiết dạy phát triển kỹ năng nói tiếng Anh để sinh viên có thể phát huy được năng lực sở trường diễn đạt ngôn ngữ của mình, tự tin hơn trong các hoạt động thực hành nói tiếng Anh và từ đó, phát huy tốt hiệu quả các tiết học bộ môn này.

Câu hỏi: Bạn hãy đánh giá mức độ cần thiết phải áp dụng các hoạt động đa trí tuệ trong việc phát triển kỹ năng nói tiếng Anh như thế nào?



4. Kết luận

Thuyết đa trí tuệ đã tạo ra một cách nhìn nhận và đánh giá mới mẻ, tích cực và mang đậm tính nhân văn về việc phát hiện, bồi dưỡng và đánh giá nhiều loại khả năng và trí tuệ sinh viên. Tính nhân văn sâu sắc của thuyết Đa Trí Tuệ thể hiện ở quan niệm cho rằng tất cả mọi sinh viên đều thông minh, không có sinh viên nào bị xem là không thông minh. Tuy nhiên, không phải tất cả mọi sinh viên đều phát triển mạnh về các trí tuệ ngôn ngữ và lô-gic toán học, các em còn có thể phát triển các kiểu trí tuệ khác như trí tuệ âm nhạc, trí tuệ hướng nội, trí tuệ thiên nhiên ...

Áp dụng thuyết Đa Trí Tuệ trong phát triển kỹ năng nói tiếng Anh đem lại nhiều ích lợi đối với cả giáo viên và sinh viên. Thông qua các bài kiểm tra, trắc nghiệm phân loại trí tuệ, các thầy cô có thể xác định được kiểu học tập ở các sinh viên của mình, từ đó đặt ra những chiến lược giảng dạy và các hoạt động lớp học phù hợp để kích thích sự hứng thú học tập của từng cá nhân sinh viên. Học tập với những hoạt động phát huy nhiều kiểu trí tuệ khác nhau cũng giúp sinh viên phát triển mạnh các kỹ năng giải quyết vấn đề để sau này các em có thể áp dụng trong cuộc sống thực, sau khi tốt nghiệp. Với các hoạt động học tập đa trí tuệ, không khí học tập trong các lớp học chắc chắn sẽ thiên về xu hướng lấy người học làm trung tâm hơn ở các lớp học sử dụng các phương pháp giảng dạy truyền thống □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chapman, C. & Freeman, L. (1998), *Multiple Intelligences Centers and Projects*, Training Manual, SkyLight Training and Publishing Inc.
- [2] Châu Văn Đôn (2006), *Applying Multiple Intelligences Theory in Identifying Students' Learning Styles and Creating Effective Classroom Activities in Vietnamese EFL Contexts*, Luận Văn Thạc Sĩ, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.
- [3] Chau Van Don (2011), *How MIT intervention affects the existing intelligence levels of EFL students*, Summary Record of Academic Symposium of Year 2011, State University of New York at Albany, USA.
- [4] Châu Văn Đôn (2013), *Các hoạt động Đa trí tuệ - Phương pháp phát huy đa dạng năng lực học tập của học sinh tại cơ sở tiếng Anh Thế Giới Mới*, Kỷ yếu Hội thảo “Nâng cao chất lượng dạy- học tiếng Anh cho trẻ em tại các Trung tâm, cơ sở dạy ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh Phú Yên” – Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Yên
- [5] Gardner, H. (1983), *Frames of Mind: The Theory of Multiple Intelligences*, Basic Books, A Member of the Perseus Books Group.
- [6] Gardner, H (2004). *The Unschooled Mind: How Children Think and How Schools Should Teach*, Basic Books, A Member of the Perseus Books Group.
- [7] Jensen, E. (2008), *Super Teaching*, the Brain Stone, Inc. San Diego, California.
- [8] Laura Candler (2008), *MI Inventory*, Teaching Resources at <http://home.att.net/teaching>
- [9] Microsoft Corporation (2012), *Encarta Encyclopedia*, Full Version, Microsoft Corporation, USA.
- [10] Reid, J.M. (1995), *Learning Styles in the ESL/EFL Classrooms*, Heinle & Heinle Publishers, USA.

Abstract

Application of Multiple Intelligences Theory in classroom activities to develop speaking skills for English majored students in Phu Yen University

The humanistic features of Multiple Intelligences (MI) Theory are shown in its educational principle that “every student is unique. Each individual manifests varying levels of these different intelligences”. Therefore, if the teacher uses a combination of various classroom techniques in a flexible way, students of different learning styles can be reached, their motivation, participation into the classroom activities will be much improved, students will have more chances to demonstrate their strengths and compensate for their weaknesses; the teacher’s evaluation and assessment on them will be more accurate and objective. This article presents a brief introduction of MI Theory, mentions and discusses some results of applying MI Theory in improving English speaking skills for the English majored students in Phu Yen University as well as proposes some relevant teaching and learning classroom activities accommodating each type of intelligences.

Key words: multiple intelligences, students, English, Phu Yen University